TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày: 13-4-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Lương Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 04/01/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 130 đường L, Phường 3, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng X, sinh năm 1993 – Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Long An. Trụ sở chi nhánh: Số nhà 122 – 124 V, phường 2, Thành phố A, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền số 09/QĐ-LAN, ngày 04/01/2018) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Hoài T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 328 ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) do ông Nguyễn Hồng X làm đại diện trình bày: Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/12/2013 theo hợp đồng vay trả góp với 09 hồ sơ đề nghị vay vốn của cán bộ, nhân viên Ủy ban nhân dân xã Đ trong đó có ông Phùng Hoài T. Theo đó, căn

cứ hợp đồng vay trả góp số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014, ông T được vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 11%/ năm, lãi quá hạn 16.5%/năm, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, hình thức thanh toán trả góp. Thời hạn vay 36 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo (Tín chấp).

Trong quá trình vay vốn, từ ngày 17/01/2014 đến ngày 31/01/2015, ông T chỉ trả số tiền tổng cộng 4.400.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 2.626.485đ và lãi trong hạn: 1.813.515 đồng). Sau đó, ông T không trả thêm được bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng A, Ngân hàng A đã thực hiện nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 17/02/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay còn nợ sang nợ quá hạn.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả một lần hết số tiền còn nợ tính đến ngày 13/4/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 11.172.723 đồng, trong đó tiền nợ gốc 7.373.515 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.502.596 đồng, lãi quá hạn là 1.296.612 đồng và yêu cầu ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/4/2018 cho đến khi ông T trả hết nợ.

Bị đơn là ông Phùng Hoài T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay còn nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay trả góp số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014, nhưng ông Thương vẫn không có văn bản ý kiến trình bày.

Về chứng cứ của ông T: Do ông T luôn vắng mặt nên không xuất trình chứng cứ, đồng thời Tòa án không tiến hành hoà giải được cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại phiên tòa để chứng minh cho quyền lợi của mình là lỗi của bị đơn.

Tại phiên Tòa, bị đơn là ông Phùng Hoài T vắng mặt. Ông Nguyễn Hồng Xđại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Phùng Hoài T phải thanh toán số tiền nợ vay là 11.172.723 đồng từ hợp đồng vay trả góp số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014. Do tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn là ông Phùng Hoài T cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về cho vay tài sản" mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Từ khi thụ lý vụ kiện, Toà án tiến hành niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn

ông Phùng Hoài T vẫn vắng mặt, nên không viết bản tự khai và Tòa án không thể tiến hành hoà giải được. Sau khi tiến hành các thủ tục niêm yết công khai như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các Quyết định hoãn phiên tòa, Toà án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông Phùng Hoài T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/12/2013 được thông qua hợp đồng vay trả góp số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông Phùng Hoài T được xác lập theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay còn lại và xuất trình chứng cứ mà ông T đã ký xác lập giao dịch với Ngân hàng A là giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/12/2013 được thông qua hợp đồng vay trả góp số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014 và danh sách chi vay trả góp chuyển tiền qua tài khoản thẻ hợp đồng 01244743T14002 và xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm các khoản nợ đã quá hạn, ông T còn nợ số tiền gồm gốc và lãi là 11.172.723 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên, nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh nợ gốc, nợ lãi tổng cộng là 11.172.723 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về mức lãi suất cho vay là 11%/tháng và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa Ngân hàng A với ông T được áp dụng đúng như hai bên thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/12/2013 được thông qua hợp đồng vay trả góp số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014 và phù hợp với quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, theo đó: Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng.

Và cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, theo đó: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật."

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Phùng Hoài T phải chịu 558.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 16 Điều 4, Điều 11 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A

Buộc ông Phùng Hoài T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là 11.172.723 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 7.373.515 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.502.596 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.296.612 đồng.

2. Kể từ ngày 14/4/2018, ông Phùng Hoài T tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải trả với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0124474301T14002 ngày 17/01/2014 cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

3. Về án phí: Buộc ông Phùng Hoài T phải chịu 558.600 đồng (Năm trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002016 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Phùng Hoài T

vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương